TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2017
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Khánh Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đỗ Minh Thân
2. Ông: Trần Đình Nhiễm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Chiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 86/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Ngô Thị Thúy V** - Sinh năm: 1991

ĐKHK: Khu 6, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(Chỗ ở: Thôn Nội Quan, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang)

(Có mặt)

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn L** - Sinh năm: 1991

ĐKHKTT: Khu 6, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Ngô Thị Thúy V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn ngày 06/9/2014 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không có việc làm ổn định nên kinh tế gia đình rất khó khăn, anh L còn hay chơi bời và cắm xe của chị, hay chửi bới và đánh chị, ngoài ra anh L còn không quan tâm đến gia đình và nuôi dạy con cái. Tháng 4/2016 chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn Nội Quan, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang để ở, nên hai bên sống ly thân từ đó đến nay, thời gian này anh L có đến nhà bố mẹ đẻ chị để thăm nom con chung, còn chị và anh L không trao đổi gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thùy D - Sinh ngày: 21/01/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị nhận nuôi con chung, không đề nghị anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được vụ án.

* Ngày 24/8/2017, Tòa án xác minh tại gia đình anh L, ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị L2 là bố mẹ đẻ anh L cung cấp như sau:

Ngày 06/9/2014, chị V và anh L đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh L, chị V sống chung với gia đình ông L1, bà L2 được khoảng 6 tháng thì thuê nhà ở thị trấn T để ở riêng. Vợ chồng anh L chị V sống không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thu nhập của anh L và chị V không ổn định nên kinh tế rất khó khăn, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh L và chị V còn đánh nhau, bà L2 hỏi chị V lý do đánh nhau thì chị V nói là chị V đánh anh L là sự phản kháng để bảo vệ chị V. Khoảng tháng 12/2015, chị V đã bế con về nhà bố mẹ đẻ chị V ở huyện H, tỉnh Bắc Giang để ở đến nay, hiện hai người đang sống ly thân.

Vợ chồng anh L chị V có một con chung là Nguyễn Thùy D - Sinh ngày: 21/01/2015, hiện đang ở với chị V. Tài sản chung và nợ chung thì vợ chồng anh L, chị V không có.

Gia đình anh L đã nhận được giấy báo của Tòa án để tống đạt cho anh L. Sau khi nhận được những giấy báo này, gia đình anh L đã thông báo cho anh L

biết thời gian và địa điểm đến Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh L. Anh L không về và đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh L theo pháp luật.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và nguyên đơn dân sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành quy định của Pháp luật về việc đến Tòa án làm việc. Căn cứ vào các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V về việc xin ly hôn anh L, cho chị V được ly hôn anh L; giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc và vẫn vắng mặt phiên tòa lần 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thúy V và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn ngày 06/9/2014 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ, khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh L là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy chị V và anh L sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau, hiện nay hai bên sống ly thân, các bên không quan tâm nhau. Ngày 24/8/2017, Tòa án xác minh tại gia đình anh L đã thể hiện đời sống chung của chị V và anh L hiện không hạnh phúc, hiện nay hai bên đang sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh L là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị V xin ly hôn anh L là có căn cứ, nên xử cho chị V được ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Chị V và anh L có một con chung là Nguyễn Thùy D - Sinh ngày: 21/01/2015. Xét thấy hiện nay con chung dưới 36 tháng tuổi và đang ở với chị V. Vì vậy, giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, do chị V không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Xét thấy chị V trình bày đều không có, do anh L vắng mặt, vì vậy không không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn. Chị V phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thúy V về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Xử: cho chị Ngô Thị Thúy V được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[2] Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thùy D - Sinh ngày: 21/01/2015 cho chị Ngô Thị Thúy V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Ngô Thị Thúy V không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[4] Về án phí ly hôn: Chị Ngô Thị Thúy V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2015/0002903 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh T (Xác nhận chị V đã nộp đủ 300.000đ).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

- THADS huyện TT;
- UBND xã B
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

Lê Khánh Vinh